

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DƯ THẢO**TỜ TRÌNH****Chính sách của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi)**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ chính sách của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; quyền được làm việc trong điều kiện an toàn; Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và thực hiện chính sách an sinh xã hội. Đây là cơ sở hiến định quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới yêu cầu hoàn thiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chú trọng phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cải thiện điều kiện lao động; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đây là căn cứ chính trị trực tiếp và quan trọng nhất đối với việc xây dựng Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi).

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi; đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đây là định hướng chính trị quan trọng trong việc rà soát, hoàn thiện các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ

máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đặt ra yêu cầu rà soát, sửa đổi hệ thống pháp luật để bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giai đoạn mới.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định yêu cầu hoàn thiện thể chế, pháp luật để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số và quản trị số. Thực tiễn thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động cho thấy cần hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo điện tử và quản lý trên môi trường số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ pháp luật và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tăng cường hậu kiểm.

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đặt ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội và phát huy vai trò của chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp.

- Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, Luật Thanh tra năm 2025 và nhiều luật chuyên ngành có liên quan như Luật Xây dựng, Luật Hóa chất, Luật Điện lực, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới trong thời gian qua. Thực tiễn thi hành cho thấy một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm

2015 cần được rà soát, sửa đổi để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện trong giai đoạn mới.

- Việt Nam là thành viên của nhiều điều ước quốc tế và công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) có liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động, trong đó có Công ước số 155 về an toàn, vệ sinh lao động và môi trường lao động, Công ước số 187 về cơ chế thúc đẩy an toàn, vệ sinh lao động, Công ước số 81 về thanh tra lao động và các cam kết lao động trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Việc sửa đổi Luật An toàn, vệ sinh lao động nhằm tiếp tục nội luật hóa các cam kết quốc tế, nâng cao mức độ tương thích của hệ thống pháp luật Việt Nam với các tiêu chuẩn lao động quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định việc xây dựng luật phải xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện thể chế, bảo đảm tính hợp hiến, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, khắc phục những hạn chế, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Cơ sở thực tiễn

Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

Luật An toàn, vệ sinh lao động bao gồm 07 Chương và 93 Điều, trong đó Chương I gồm 12 Điều (*từ Điều 01 đến Điều 12*) quy định về Quy định chung; Chương II gồm 10 Điều (*từ Điều 13 đến Điều 33*) quy định về các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm yếu tố có hại cho người lao động; Chương III gồm 28 Điều (*từ Điều 34 đến Điều 62*) quy định về các biện pháp xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chương IV gồm 07 Điều (*từ Điều 63 đến Điều 70*) quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với một số lao động đặc thù; Chương V gồm 11 Điều (*từ Điều 70 đến Điều 81*) quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; Chương VI gồm 09 Điều (*từ Điều 82 đến Điều 91*) quy định về quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; Chương VII gồm 02 Điều (*từ Điều 92 đến Điều 93*) quy định về Điều khoản thi hành.

Luật an toàn, vệ sinh lao động là Luật hướng dẫn cụ thể Điều 35 của Hiến pháp 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) về quyền cơ bản của con người, của công dân, đã đưa ra các quy định nhằm đảm bảo quyền được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, sức khỏe. Về phạm vi, đối tượng, Luật cũng đã mở rộng điều chỉnh đến tất cả người lao động, bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và không có quan hệ lao động, theo nguyên tắc ở đâu có người lao động thì ở đó có nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động, cần phải xây dựng các biện pháp phòng tránh. Về nội dung, Luật đề cập tương đối đầy đủ các nội dung liên

quan đến việc quản lý, tổ chức nơi làm việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong mối quan hệ xã hội liên quan mật thiết đến nơi làm việc, đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn như: Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động tại nơi làm việc; các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại (thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh tại nơi làm việc); chế độ chăm sóc sức khỏe người lao động; quản lý máy thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt an toàn, vệ sinh lao động; xử lý sự cố, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; thống kê, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu (hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động), chương trình quốc gia an toàn, vệ sinh lao động.

Qua gần 10 năm thi hành, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tuy nhiên, kết quả tổng kết thi hành Luật cho thấy một số quy định của Luật đã bộc lộ hạn chế, bất cập hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cụ thể như sau:

- Một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là các luật được ban hành hoặc sửa đổi sau thời điểm Luật có hiệu lực như Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025 và các luật có liên quan.

- Thực tiễn thi hành cho thấy một số quy định của Luật còn chưa rõ hoặc chưa được quy định đầy đủ, dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất, nhất là các quy định về phạm vi điều chỉnh, hệ thống thuật ngữ, mối quan hệ với các quy định về an toàn kỹ thuật chuyên ngành, nội dung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quản lý máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

- Quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và yêu cầu đổi mới công tác an toàn, vệ sinh lao động đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

Bên cạnh những hạn chế, bất cập của Luật hiện hành, bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới cũng đặt ra nhiều yêu cầu và thách thức mới đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động. Cụ thể như:

- Sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, vật liệu mới, thiết bị mới, phương thức sản xuất mới và các mô hình tổ chức lao động

hiện đại đang làm thay đổi môi trường lao động và phát sinh nhiều nguy cơ, yếu tố rủi ro mới đối với người lao động. Đồng thời, yêu cầu ngày càng cao về cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phòng ngừa chủ động, thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động và quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc tham gia các công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phù hợp với các chuẩn mực lao động quốc tế, thông lệ quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững.

Từ những thay đổi của bối cảnh phát triển và những vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành Luật nêu trên, việc xây dựng Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) là cần thiết nhằm hoàn thiện thể chế, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích xây dựng chính sách

Việc xây dựng các chính sách sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm an sinh xã hội và tăng cường công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.

Việc sửa đổi Luật hướng tới hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng hiện đại, đồng bộ, thống nhất, lấy phòng ngừa làm trọng tâm; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ tính mạng, sức khỏe người lao động; cải thiện điều kiện lao động; phát huy vai trò của các chủ thể trong công tác an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và sự thay đổi của thị trường lao động trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở đó, các chính sách được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu trọng tâm sau:

(i) Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

(ii) Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tăng cường nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại

tại nơi làm việc; cải thiện điều kiện lao động và bảo vệ sức khỏe người lao động theo hướng chủ động, dựa trên quản lý rủi ro.

(iii) Hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng đồng bộ với hệ thống pháp luật về bảo hiểm xã hội; nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và phát huy vai trò của chính sách bảo hiểm trong phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(iv) Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động theo hướng nâng cao chất lượng, minh bạch, chuyên nghiệp; giảm chi phí tuân thủ; tăng cường hậu kiểm và phát huy nguồn lực xã hội tham gia công tác an toàn, vệ sinh lao động.

(v) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về an toàn, vệ sinh lao động phục vụ quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động.

(vi) Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển thị trường lao động hiện đại và hội nhập quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng chính sách

Thứ nhất, xây dựng chính sách trên cơ sở thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường công tác an toàn, vệ sinh lao động; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân và bảo đảm an sinh xã hội.

Thứ hai, bảo đảm tính hợp hiến, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; kế thừa các quy định còn phù hợp, đang phát huy hiệu quả; sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp hoặc phát sinh vướng mắc trong thực tiễn; bảo đảm sự thống nhất với Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các luật có liên quan.

Thứ ba, lấy người lao động làm trung tâm, lấy phòng ngừa là trọng tâm; bảo đảm quyền được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động; tăng cường bảo vệ tính mạng, sức khỏe người lao động; cải thiện điều kiện lao động; thúc đẩy xây dựng văn hóa an toàn lao động; nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ tư, hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng hợp lý diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp; bảo đảm tính đồng bộ với chính sách bảo hiểm xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp an toàn, bền vững và hiệu quả.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng; xác định đầy đủ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương; bảo đảm thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành.

Thứ sáu, phát huy vai trò, trách nhiệm của người sử dụng lao động, người lao động, các tổ chức đại diện, các tổ chức cung cấp dịch vụ và các chủ thể có liên quan; khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ bảy, bảo đảm phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi của chính sách

Các chính sách sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động tập trung vào việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về an toàn, vệ sinh lao động nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe người lao động; phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; đổi mới cơ chế quản lý hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

Theo đó, phạm vi của chính sách bao gồm:

(1) Quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; phân công, phân cấp, phân quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

(2) Các hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nhận diện, đánh giá, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; cải thiện điều kiện lao động và bảo vệ sức khỏe người lao động.

(3) Chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các cơ chế hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

(4) Hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; quan trắc môi trường lao động và các hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động khác.

(5) Xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu, thông tin về an toàn, vệ sinh lao động; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

(6) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người sử dụng lao động, người lao động và các chủ thể khác có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2. Đối tượng áp dụng của chính sách

Chính sách được áp dụng đối với:

(1) Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương có thẩm quyền trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

(2) Người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, cơ quan, tổ chức và các chủ thể khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

(3) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người học nghề, tập nghề; người thử việc; người làm việc không có quan hệ lao động và các đối tượng khác thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

(4) Các tổ chức đại diện người lao động, tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

(5) Các tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; tổ chức quan trắc môi trường lao động; cơ sở khám bệnh nghề nghiệp và các tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên môn khác trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

(6) Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, đầu tư, cung cấp dịch vụ hoặc có hoạt động liên quan đến lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Bộ Nội vụ đã tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động; nhất là các chủ trương, đường lối mới của Đảng trong các nghị quyết quan trọng về xây dựng và hoàn thiện pháp luật, hội nhập quốc tế, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia,...

Kết quả đánh giá cho thấy các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động

năm 2015 là Luật hướng dẫn cụ thể Điều 35 của Hiến pháp 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) về quyền cơ bản của con người, của công dân, đã đưa ra các quy định nhằm đảm bảo quyền được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, sức khỏe.

2. Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương tổ chức tổng kết việc thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động. Kết quả thi hành Luật được tổng kết, đánh giá trong thời gian gần 10 năm từ ngày Luật có hiệu lực thi hành (ngày 01/7/2016). Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ tổ chức nghiên cứu các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kinh nghiệm pháp luật nước ngoài để tham khảo, xây dựng các chính sách của Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi).

Kết quả rà soát cho thấy các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về cơ bản phù hợp với các Công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) mà Việt Nam đã phê chuẩn hoặc gia nhập có liên quan đến lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

Các nguyên tắc cơ bản về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thanh tra lao động; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; bảo vệ lao động nữ, lao động chưa thành niên và các nhóm lao động dễ bị tổn thương; sự tham gia của người lao động và người sử dụng lao động trong công tác an toàn, vệ sinh lao động đã được nội luật hóa tương đối đầy đủ trong hệ thống pháp luật hiện hành

3. Bộ Nội vụ đã ban hành Kế hoạch dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) và triển khai các bước xây dựng Luật.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1. Hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

a) Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 được ban hành trong bối cảnh tổ chức bộ máy nhà nước, mô hình chính quyền địa phương và cơ chế quản lý nhà nước có nhiều điểm khác so với hiện nay. Trong thời gian qua, việc thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống thanh tra, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đã làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức tổ chức thực hiện của nhiều cơ quan nhà nước.

Thực tiễn thi hành Luật cho thấy một số quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công, phân cấp, phân quyền, cơ chế phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động chưa

thực sự phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành; một số nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước cần tiếp tục được rà soát, điều chỉnh để bảo đảm rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, tránh chồng chéo, bỏ sót hoặc trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp, tăng cường trách nhiệm giải trình và đổi mới phương thức quản lý nhà nước đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Nguyên nhân chủ yếu là do một số quy định của Luật được xây dựng trên cơ sở tổ chức bộ máy nhà nước, mô hình chính quyền địa phương và cơ chế quản lý của giai đoạn trước, chưa được cập nhật đầy đủ theo những thay đổi về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính và yêu cầu nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật trong giai đoạn hiện nay.

b) Mục tiêu của chính sách:

Chính sách được xây dựng nhằm hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm thống nhất, thông suốt trong tổ chức thực hiện; phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương hiện hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Cụ thể, chính sách hướng tới các mục tiêu sau:

- Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật có liên quan.
- Hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.
- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ trong quá trình tổ chức thực hiện.
- Hoàn thiện các quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát và tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra và tổ chức bộ máy nhà nước.
- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về an

toàn, vệ sinh lao động.

c) Nội dung của chính sách:

- Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành.

- Hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Hoàn thiện các quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

- Hoàn thiện các quy định về kiểm tra, giám sát và tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

- Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định hiện hành

- Giải pháp 2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

- Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành

đ) Giải pháp lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3.

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành không đáp ứng yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo chủ trương của Đảng, Nhà nước. Phương án sửa đổi cục bộ chỉ khắc phục được một phần bất cập, chưa tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Giải pháp hoàn thiện đồng bộ các quy định của Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền quản lý nhà nước; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước trong giai đoạn mới.

2. Chính sách 2. Chính sách 2. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

a) Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

Qua tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 cho thấy công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã đạt được nhiều kết quả tích cực; nhận thức và trách nhiệm của người sử dụng lao động từng bước được nâng lên; điều kiện lao động tại nhiều doanh nghiệp được cải thiện.

Tuy nhiên, cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Việc nhận diện nguy cơ, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc chưa được thực hiện đồng đều, hiệu quả; văn hóa an toàn lao động chưa được hình thành bền vững trong nhiều ngành, lĩnh vực. Bên cạnh đó, trong bối cảnh khoa học công nghệ và chuyển đổi số phát triển mạnh mẽ, cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động còn chưa đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Nguyên nhân chủ yếu là do một số quy định của Luật chưa được cập nhật kịp thời trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học công nghệ và thực tiễn tổ chức thực hiện; các quy định về phòng ngừa chủ động, xây dựng văn hóa an toàn lao động, quản lý và khai thác dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động chưa đầy đủ, chưa bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong quá trình thực hiện.

b) Mục tiêu của chính sách:

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng tăng cường phòng ngừa chủ động; nâng cao hiệu quả nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

- Thúc đẩy xây dựng và phát triển văn hóa an toàn lao động; nâng cao trách nhiệm và sự tham gia của người sử dụng lao động, người lao động trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, giám sát, cảnh báo và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

c) Nội dung của chính sách:

- Hoàn thiện các quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng lấy phòng ngừa làm trọng tâm; tăng cường nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cải thiện điều kiện lao động.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa an

toàn lao động; nâng cao trách nhiệm và sự tham gia của người sử dụng lao động, người lao động trong công tác an toàn, vệ sinh lao động; thúc đẩy hình thành văn hóa phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; phục vụ công tác quản lý, giám sát, cảnh báo, thống kê, dự báo và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành.

Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

- Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

đ) Giải pháp lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3.

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành không đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thay đổi điều kiện lao động và yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ người lao động. Phương án sửa đổi cục bộ chỉ giải quyết được một phần các bất cập hiện nay và chưa tạo được cơ sở pháp lý đồng bộ cho công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Giải pháp hoàn thiện đồng bộ các quy định của Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho việc tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; thúc đẩy nhận diện, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; xây dựng và phát triển văn hóa an toàn lao động; đồng thời hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động, góp phần giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

3. Chính sách 3. Hoàn thiện quy định về đối tượng tham gia và chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

a) Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

Qua tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 cho thấy chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã góp phần quan trọng trong việc bù đắp, hỗ trợ người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hỗ trợ hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp và bảo đảm an sinh xã hội cho người lao động.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật cho thấy một số quy định về đối tượng tham gia, chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã bộc lộ những hạn chế, bất cập hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Diện bao phủ của chính sách chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp; một số nhóm lao động có nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng chưa được bao phủ đầy đủ bởi chính sách hiện hành. Bên cạnh đó, một số chế độ, điều kiện hưởng và mức hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được xây dựng trong bối cảnh kinh tế - xã hội trước đây, đến nay đã bộc lộ những hạn chế nhất định và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu hỗ trợ người lao động phục hồi khả năng lao động, ổn định đời sống và tái hòa nhập thị trường lao động.

Ngoài ra, vai trò phòng ngừa và chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa được phát huy đầy đủ; phạm vi các chính sách hỗ trợ từ Quỹ còn hạn chế, hiệu quả sử dụng nguồn lực của Quỹ cho các hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 đã được ban hành với nhiều quy định mới liên quan đến đối tượng tham gia, căn cứ đóng, quản lý và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, đặt ra yêu cầu rà soát, sửa đổi các quy định có liên quan trong Luật An toàn, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Nguyên nhân chủ yếu là do một số quy định của Luật được xây dựng trong bối cảnh chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách tiền lương và thị trường lao động của giai đoạn trước; chưa được cập nhật đầy đủ trước những thay đổi của pháp luật về bảo hiểm xã hội, yêu cầu cải cách chính sách tiền lương, yêu cầu mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội và yêu cầu nâng cao hiệu quả phòng ngừa, chia sẻ rủi ro trong lĩnh vực tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b) Mục tiêu của chính sách:

- Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động và các hình thức việc làm mới.
- Nâng cao hiệu quả bảo vệ người lao động thông qua việc hoàn thiện các chế độ, chính sách và mức hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Phát huy vai trò của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chia sẻ rủi ro.

c) Nội dung của chính sách:

- Hoàn thiện các quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng hợp lý diện bao phủ và phù hợp

với sự phát triển của thị trường lao động.

- Hoàn thiện các quy định về chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhằm nâng cao mức độ bảo vệ và hỗ trợ người lao động.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhằm phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành.

Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Giải pháp 3: Hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ và phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ

đ) Giải pháp lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3.

Qua đánh giá tác động các phương án cho thấy:

- Giải pháp 1 không làm phát sinh chi phí thực hiện mới, không ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy và cơ chế tổ chức thực hiện hiện hành. Tuy nhiên, giải pháp này không khắc phục được những hạn chế, bất cập phát sinh trong quá trình thi hành Luật; chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng diện bao phủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chưa nâng cao mức độ bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp; đồng thời chưa phát huy đầy đủ vai trò phòng ngừa và chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Giải pháp 2 góp phần khắc phục một số bất cập của chính sách hiện hành; mở rộng diện bao phủ đối với một số nhóm lao động phát sinh trong thực tiễn; nâng cao mức độ bảo vệ đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tăng cường hiệu quả sử dụng Quỹ. Tuy nhiên, giải pháp này mới giải quyết được một phần các vấn đề đặt ra trong thực tiễn và chưa tạo được cơ sở pháp lý đồng bộ để phát huy đầy đủ vai trò của Quỹ trong công tác phòng ngừa, chia sẻ rủi ro và hỗ trợ người lao động.

- Giải pháp 3 giải quyết toàn diện hơn các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Giải pháp này vừa mở rộng hợp lý diện bao phủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nâng cao mức độ bảo vệ, hỗ trợ người lao động; vừa tăng cường vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ thông qua việc hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cải thiện điều kiện lao động và hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động khi gặp rủi ro nghề nghiệp.

Mặc dù việc mở rộng diện bao phủ và hoàn thiện các chế độ bảo hiểm có thể làm phát sinh một phần chi phí thực hiện, đồng thời yêu cầu hoàn thiện cơ chế quản lý, sử dụng Quỹ, nhưng các chi phí này là hợp lý và thấp hơn đáng kể so với lợi ích kinh tế - xã hội mang lại từ việc tăng cường bảo vệ người lao động, giảm thiểu hậu quả của tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và nâng cao hiệu quả phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp.

Giải pháp 3 không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế, cơ bản sử dụng hệ thống tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội hiện có; đồng thời phù hợp với chủ trương mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích của người lao động.

Do đó, lựa chọn Giải pháp 3 để xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

4. Chính sách 4. Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

a) Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

Qua tổng kết thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 cho thấy các hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động như huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động đã góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nâng cao nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động; hỗ trợ cải thiện điều kiện lao động và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật cho thấy chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Chất lượng dịch vụ giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ còn chưa đồng đều; năng lực chuyên môn, điều kiện hoạt động và trách nhiệm nghề nghiệp của một số tổ chức còn hạn chế; cơ chế kiểm soát chất lượng, giám sát hoạt động và xử lý vi phạm chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Khả năng tiếp cận các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và khu vực có nguy cơ cao còn hạn chế.

Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động đã phát sinh trong thực tiễn và được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, nhưng Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 chưa có quy định đầy đủ về hoạt động này với tư cách là một loại hình dịch vụ chuyên môn. Điều này làm hạn chế vai trò của hoạt động tư vấn trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, cải thiện điều kiện lao động và tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời chưa đáp ứng đầy đủ định hướng của Công ước số 155 và

Công ước số 187 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về tăng cường các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động.

Nguyên nhân chủ yếu là do một số quy định của Luật được xây dựng trong bối cảnh thị trường dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động chưa phát triển đầy đủ; cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát chất lượng dịch vụ chưa được hoàn thiện kịp thời; Luật hiện hành mới quy định đối với hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động, trong khi chưa có quy định về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động với tư cách là một loại hình dịch vụ chuyên môn.

b) Mục tiêu của chính sách:

- Nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động nhằm hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động..

- Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động đối với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và khu vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát và kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

c) Nội dung của chính sách:

- Hoàn thiện các quy định đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, trách nhiệm nghề nghiệp và chất lượng hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ.

- Hoàn thiện các quy định về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường tính công khai, minh bạch và hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Bổ sung quy định về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với yêu cầu phát triển thị trường dịch vụ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

d) Các giải pháp thực hiện chính sách:

Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, quan trắc môi trường lao động và quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

Giải pháp 2: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động (hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, quan trắc môi trường lao động và bổ sung một số quy định mang tính nguyên tắc về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động)

Giải pháp 3: Hoàn thiện đồng bộ các quy định về tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động (hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, quan trắc môi trường lao động; hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động và cơ chế quản lý, giám sát, kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động)_

đ) Giải pháp lựa chọn: Lựa chọn Giải pháp 3.

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành không đáp ứng được yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động trong giai đoạn mới. Giải pháp này không khắc phục được những hạn chế về chất lượng dịch vụ, năng lực của một số tổ chức cung cấp dịch vụ và khoảng trống pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

Giải pháp sửa đổi, bổ sung một phần các quy định hiện hành góp phần khắc phục một số bất cập của chính sách hiện hành; nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ và từng bước tạo cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động. Tuy nhiên, giải pháp này mới giải quyết được một phần các vấn đề đặt ra trong thực tiễn và chưa tạo được cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

Giải pháp hoàn thiện đồng bộ các quy định của Luật sẽ giải quyết toàn diện hơn các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. Giải pháp này vừa hoàn thiện các quy định đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của các tổ chức cung cấp dịch vụ; vừa hoàn thiện các quy định đối với hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động; đồng thời bổ sung cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

Mặc dù việc hoàn thiện các điều kiện hoạt động, cơ chế quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ có thể làm phát sinh một số chi phí tuân thủ đối với tổ

chức cung cấp dịch vụ trong giai đoạn đầu, nhưng các chi phí này là hợp lý và thấp hơn đáng kể so với lợi ích mang lại từ việc nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động thực hiện tốt hơn các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Giải pháp 3 không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế; đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển thị trường dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng và bền vững.

Do đó, lựa chọn Giải pháp 3 để xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành:

Các chính sách đề xuất trong Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) chủ yếu là sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định hiện hành nhằm khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thi hành Luật và bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới; không làm phát sinh việc thành lập tổ chức mới hoặc tăng biên chế trong các cơ quan nhà nước.

Nguồn nhân lực thực hiện chính sách chủ yếu là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có của các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương; cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức triển khai và thi hành Luật sau khi được ban hành.

Kinh phí thực hiện các quy định của Luật được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách:

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện bảo đảm hiện có của các cơ quan, tổ chức cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các chính sách của Luật.

Đối với các nội dung liên quan đến ứng dụng công nghệ số, cơ sở dữ liệu

và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động, việc triển khai được thực hiện trên cơ sở kế thừa, khai thác và nâng cấp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu hiện có theo lộ trình phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và khả thi.

Việc đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước.

Trên đây là Tờ trình chính sách Luật an toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi), Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

1. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách;
2. Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách;
3. Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật;
4. Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách;
-

Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ Chính sách dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Lưu: VT, CVL.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Khương